

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HS-ST**
Ngày 04-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 01 năm 2021 và ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/HSST-QĐ ngày 01/12/2020 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2021/TB-TĐTG ngày 15/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1988 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 (Đã chết) và bà Phan Thị U, sinh năm 1953 (Đã chết); vợ là Huỳnh Kim C, sinh năm 1997 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2007 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (Hai mươi bốn) tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 21/9/2009; Ngày 28/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên

Giang xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST, bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 – Cục C10 – Bộ Công an từ ngày 25/5/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Huỳnh Kim C**, sinh năm 1997 tại huyện C, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970 (Đã chết) và bà Thị T, sinh năm 1978; chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST, bị cáo đang chấp hành án từ ngày 08/12/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim C: Ông Bùi Đức Độ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người bị hại:

- Võ Văn T, sinh năm 2000. Vắng có đơn xin vắng mặt

- Dương Thanh K, sinh năm 1985. Có mặt

Cùng trú tại: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1956. Có mặt

Trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyễn Văn S, sinh năm 1981. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Có mặt

Trú tại: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Lê Thị N, sinh năm 1976. Có mặt

Trú tại: Ấp N, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Võ Tuấn Đ, sinh năm 1996. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Huỳnh Văn T, sinh năm 1981. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Số A, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Phạm Thanh B, sinh năm 1991. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Trần Khắc H, sinh năm 1971. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Nguyễn Thị S, sinh năm 1987. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Lê Thanh D, sinh năm 1986. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Số A đường M, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Thị T, sinh năm 1978. Có mặt

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Ngô Thanh H, sinh năm 1987. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Số A đường C, phường Vĩnh Lợi, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Lê Thanh T, sinh năm 1978. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp N, xã T, huyện An, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Võ Văn T, sinh năm 1962. Vắng có đơn xin vắng mặt

Trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C về tội “Trộm cắp tài sản”. Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận ngoài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện An Minh các bị cáo còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện An Biên. Ngày 07/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh có Công văn số 14/CQĐT thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên để tiếp nhận điều tra. Trên cơ sở Công văn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên đã tiến hành điều tra và xác định như sau: Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C là vợ chồng cùng cư trú tại ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Vào khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Văn B, Huỳnh Kim C lâm vào hoàn cảnh khó khăn, trong đó một phần do cả hai vay tiền của nhiều người dẫn đến không có khả năng C trả, bị các chủ nợ thúc ép, đe dọa nên Nguyễn Văn B rủ Huỳnh Kim C đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ tiêu xài và được C đồng ý. Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở nhiều huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tại huyện An Biên trong khoảng thời gian từ ngày 06/11/2019 đến tháng ngày 21/5/2020 Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 06/11/2019, Nguyễn Văn B điều khiển xe gắn máy kiểu dáng Dream, biển số 68AA-002.10 của mẹ vợ là bà Thị T chở Huỳnh Kim C đi từ nhà mình đến huyện An Biên để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 14 giờ đến 15 giờ cùng ngày cả hai đi đến nhà của anh Nguyễn Văn Q thuộc ấp Trung Quý, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 68B1-315.64 của anh Võ Nhật T đang đậu bên hông nhà, không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa. Lúc này, C ở bên ngoài cảnh giới còn B thì đi vào lấy trộm xe rồi điều khiển xe về nhà cất giấu. Ngày 07/11/2019, C mang xe trộm được đến tiệm mua bán xe T thuộc ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang bán cho ông Huỳnh Văn T là chủ tiệm với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Đối với xe mô tô bị lấy trộm, xe này do anh Võ Tuấn Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang đứng tên chủ sở hữu, ông Đ cho anh Võ Nhật T mượn đi làm phương tiện đi lại.

Đối với ông Huỳnh Văn T, sau khi mua xe mô tô biển số 68B1-315.64 ông bán xe này lại cho anh Phạm Thanh B với giá 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi biết được xe mô tô là tài sản trộm cắp, ngày 01/8/2020 anh B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ông Huỳnh Văn T đã trả lại số tiền mua xe cho anh B.

Qua xác minh, xe gắn máy biển số 68AA-002.10 do ông Lê Thanh D, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số A, đường M, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đứng tên chủ sở hữu, ông D bán lại cho một tiệm cầm đồ ở phường R. Sau đó, bà T mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Bà T không biết việc các bị cáo dùng xe của bà làm phương tiện để trộm cắp tài sản.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/12/2019, Nguyễn Văn B điều khiển xe gắn máy biển số 68AA-002.10 chở Huỳnh Kim C đi từ nhà mình đến huyện An Biên để tìm tài sản trộm cắp. Khi cả hai đi đến ấp Dân Quân, xã Đông Thái, huyện An Biên thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 68B1-235.25 của anh Nguyễn Văn S đang đậu trước sân nhà của ông Võ Văn T không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa. Lúc này, C ở ngoài cảnh giới còn B đi vào lấy trộm xe rồi điều khiển xe về nhà cất giấu. Xe mô tô lấy trộm

được, các bị cáo giữ lại để sử dụng một thời gian, sau đó bán lại cho một người tên Sang (không rõ nhân thân) với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Khi bán xe cho Sang các bị cáo chỉ bán xe còn biển số thì giữ lại để sử dụng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 28/3/2020 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha; số khung: RLHHC1208BY483822; số máy: HC12E383827, gắn biển số 68B1-235.25 là biển số của xe mô tô ở vụ trộm thứ hai chở Huỳnh Kim C đi từ nhà đến huyện An Biên để tìm tài sản trộm cắp. Khi cả hai đi đến ấp Thành Trung, xã Đông Thái, huyện An Biên thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 68M1-137.86 của ông Nguyễn Văn L đậu trước nhà của ông Nguyễn Văn Y không có người trông coi. Khi đó, C ở ngoài cảnh giới cho B vào lấy trộm xe. Do xe không có chìa khóa nên C ngồi trên xe trộm được điều khiển để B dùng xe mô tô Wave đẩy về nhà cất giấu. Đến ngày 29/3/2020 các bị cáo mang xe mô tô trộm được đến tiệm mua bán xe cũ H ở khu phố 3, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên bán cho ông Trần Khắc H là chủ tiệm với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Xe mô tô các bị cáo dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản trong lần trộm cắp này là xe các bị cáo trộm cắp được ở huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Xe do ông Lý Văn S đứng tên chủ sở hữu, biển số 68S1-195.71. Sau khi trộm được các bị cáo ném bỏ biển số xe trên và gắn biển số của xe ở vụ trộm thứ hai vào để sử dụng. Xe mô tô này, các bị cáo cũng dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản ở những vụ tiếp theo.

Vụ thứ tư: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 22/4/2020 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô gắn biển số 68B1-235.25 chở Huỳnh Kim C đi từ nhà đến huyện An Biên để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày cả hai đi đến tổ 5, ấp Đồng Giữa, xã Nam Thái, huyện An Biên thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 68B1-338.28 của chị Dương Thanh K đậu phía trước căn chòi dùng để giữ vuông tôm. Quan sát xung quanh thấy không có người, khi đó C làm nhiệm vụ cảnh giới còn B đi vào lấy trộm xe mô tô của chị Kiều. Do không có chìa khóa xe nên cả hai phải đẩy xe vừa trộm được về nhà như lần trộm trước đó.

Ngày 23/4/2020, C mang xe trộm được đi làm chìa khóa, sau khi làm chìa khóa xong C mang đến Cửa hàng xe máy T tại số 150-152, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá bán với số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Vụ thứ năm: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 20/5/2020 Nguyễn Văn B điều

khiến xe mô tô gắn biển số 68B1-235.25 chở Huỳnh Kim C đi từ nhà đến huyện An Biên để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày cả hai đi đến ấp Đồng Giữa, xã Nam Thái A, huyện An Biên thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 68B1-108.61 của ông Nguyễn Văn T đậu trên lề lộ, đối diện đám cưới phía bên sông Đồng Giữa. Lúc này, C làm nhiệm vụ cảnh giới còn B đi đến lấy trộm xe của ông T. Do xe không có chìa khóa nên các bị cáo đẩy xe về nhà như những lần trước. Ngày 21/5/2020, Huỳnh Kim C mang xe trộm được đến tiệm mua bán xe T bán cho ông Huỳnh Văn T với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Xe mô tô biển số 68B1-108.61 do ông Huỳnh T (đã chết) đứng tên chủ sở hữu. Ông T cho Nguyễn Văn T (em rể ông T) cách đây khoảng ba năm nhưng ông T chưa thực hiện việc sang tên theo quy định.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 12 giờ ngày 21/5/2020, Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô gắn biển số 68B1-235.25 chở Huỳnh Kim C đi từ ấp Ngã Bát, xã Tây Yên A, huyện An Biên về nhà. Khi đi đến nhà của chị Lê Thị N cũng thuộc ấp Ngã Bát thì cả hai phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu trắng, biển số 68B1-186.12 đậu trước cửa nhà, trên xe vẫn còn cắm chìa khóa trong ổ khóa, không có người trông coi. Lúc này, C ở ngoài cảnh giới còn B thì đi vào lấy trộm xe của chị N. Sau khi trộm được xe, cả hai chạy thẳng đến Cửa hàng xe máy T bán cho ông Ngô Thanh H là chủ cửa hàng với số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Xe mô tô biển số 68B1-186.12 do chồng của chị N là anh Lê Thanh T đứng tên chủ sở hữu, anh T giao xe này cho chị N quản lý, sử dụng.

Ông Ngô Thanh H sau khi mua xe mô tô biển số 68B1-186.12, đã bán lại cho ông Huỳnh Văn T (Chủ tiệm mua bán xe T) với số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), ông T sau đó bán lại cho người tên Nguyễn Thị Ngọc A (chưa rõ nhân thân) với giá 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, theo lời khai nhận của Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C, khi kiểm tra trong cốp xe của các xe mô tô lấy trộm các bị cáo phát hiện có 05 giấy đăng ký xe (xe mô tô ở vụ trộm thứ hai không có giấy đăng ký xe), một số giấy tờ các loại và một số vật dụng không có giá trị khác nhưng các bị cáo không nhớ rõ là giấy tờ, vật dụng gì. Đối với giấy tờ các loại và vật dụng không có giá trị các bị cáo đã ném bỏ nhưng không nhớ là ném bỏ ở đâu. Đối với các giấy đăng ký xe khi bán xe các bị cáo đã đưa cho người mua. Số tiền bán tài sản trộm cắp được các bị cáo dùng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn: Đen, bạc; biển số 68B1-108.61; số máy: 12E-3432292; số khung: BY632139, có giá trị là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn: Đen, bạc; biển số 68M1-137.86; số máy: HC12E5620943; số khung: RLHHC1210DY620893, có giá trị là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn: Xám, đen; biển số 68B1-315.64; số máy: E3X9E172000; số khung: RLCUE3240HY066851, có giá trị là 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn: Đỏ, đen; biển số 68B1-338.28; số máy: JF66E0803244; số khung: RLHJF5810GY551618, có giá trị là 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn: Trắng; biển số 68B1-186.12; số máy: JF58E0163392; số khung: RLHJF5800EY163244, có giá trị là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 14/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Biên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn: Đỏ, đen; biển số 68B1-235.25; số máy: J5C6H201318; số khung: RLCS5C6H0GY201310, có giá trị là 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng, gồm: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn: Xám, đen; biển số 68B1-315.64; số máy: E3X9E172000; số khung: RLCUE3240HY066851; 01 (Một) Giấy đăng ký xe, biển kiểm soát 68B1-315.64 mang tên Võ Tuấn Đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên đã thu giữ và nhập kho vật chứng, là: 01 (Một) biển kiểm soát 68B1-235.25.

Đối với phương tiện dùng vào việc phạm tội, gồm: Xe gắn máy biển số 68AA-002.10, kết quả điều tra xác định bà Thị T không có lỗi để các bị cáo dùng

tài sản của mình vào việc phạm tội nên không xem xét xử lý; xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha; số khung RLHHC1208BY483822; số máy: HC12E383827, biển số 68S1-195.71 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thu giữ và đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để xử lý trong vụ án khác.

Đối với vật chứng, gồm: Xe mô tô biển số 68B1-235.25, xe mô tô biển số 68M1-137.86, xe mô tô biển số 68B1-338.28, xe mô tô biển số 68B1-108.61, xe mô tô biển số 68B1-186.12. Hiện tại, chưa thu hồi được Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng theo quy định của pháp luật

Đối với các ông Huỳnh Văn T, Ngô Thanh H, Trần Khắc H, Phạm Thanh B có hành vi mua bán tài sản trộm cắp của Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C nhưng khi mua không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với người tên Sang và người tên Nguyễn Thị Ngọc A có hành vi mua tài sản trộm cắp của Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Thị T có hành vi cho Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C mượn xe gắn máy biển số 68AA-002.10 là phương tiện các bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản ở vụ thứ nhất và vụ thứ hai. Tuy nhiên, bà T không biết việc các bị cáo dùng xe của bà làm phương tiện để trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 23/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

Đối với bị cáo Huỳnh Kim C đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17

và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Huỳnh Kim C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường như sau: Nguyễn Văn T 8.000.000đ (Tám triệu đồng); Dương Thanh K 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng); Nguyễn Văn S 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Lê Thị N 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng); Nguyễn Văn L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và Huỳnh Văn T 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Người bị hại Võ Nhật T đã nhận lại tài sản là xe mô tô bị chiếm đoạt và không có yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Kim C đã bồi thường được số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền còn lại các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Văn S 01 (Một) biển kiểm soát 68B1-235.25.

Người bào chữa, trợ giúp viên Bùi Đức Độ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim C trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, không thống nhất tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì trong vụ án này, 02 bị cáo là vợ chồng hiểu ý nhau, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc, chuẩn bị công cụ để phạm tội đồng thời cũng không có phân công rõ ràng để thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là phụ nữ, thuộc hộ cận nghèo, đang nuôi 03 đứa con nhỏ và thực hiện hành vi phạm do bị cáo B rủ rê chứ bị cáo không chủ động. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Huỳnh Kim C với một mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình chăm sóc cho các con. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo Huỳnh Kim C.

Bị cáo Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C không có ý kiến, tranh luận gì.

Ý kiến của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại

phiên toà: Xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tranh luận với ý kiến bào chữa: Viện kiểm sát vẫn bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo C với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bởi vì, các bị cáo là những tên chuyên nghiệp cùng nhau trộm cắp tài sản, 02 bị cáo cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm, bàn bạc không thể hiện rõ nhưng diễn biến khách quan đã thể hiện có sự thống nhất chặt chẽ, trước khi đi đã có sự tính toán trước, phân công người trực tiếp lấy tài sản, người đi bán tài sản trộm được. Theo quy định tại Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có quy định rõ phạm tội có tổ chức là như thế nào và hiện nay Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực. Như vậy, việc truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Trợ giúp pháp lý bảo lưu quan điểm không ý kiến gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Văn B: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C để sớm trở về nuôi con.

Bị cáo Huỳnh Kim C: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được tại ngoại để làm kiếm tiền bồi thường và nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tuy nhiên, ngày 24/11/2020 Tòa án ban hành Thông báo số 01/2020/TB-TA về việc yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ với lý do trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển sang Tòa án thể hiện 02 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và có Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn B đến ngày 23/7/2020. Từ sau

ngày 23/7/2020 cho đến thời điểm Tòa án yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ thì trong hồ sơ vụ án không có thủ tục để xác định bị cáo B bị tạm giam hay chấp hành án tại đâu. Đồng thời Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên và Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên cũng không thu thập các thủ tục liên quan đến việc xét xử các bị cáo của Tòa án nhân dân huyện An Minh và thủ tục thi hành án hình sự nên không có thông tin để Tòa án tiến hành trích xuất xét xử cũng như tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo. Ngày 27/11/2020 Viện kiểm sát có Công văn số 02/VKS-HS trả lời đối với yêu cầu của Tòa án với nội dung cho rằng: *“Tài liệu về việc Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Minh khởi tố điều tra về tội “Trộm cắp tài sản” đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên thu thập và được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Mặc khác bản án Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử đối với Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C có hiệu lực sau khi Viện kiểm sát chuyển hồ sơ sang Tòa án. Do vậy, việc thu thập các thủ tục thi hành án đối với Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C thuộc trách nhiệm của Tòa án nhân dân huyện An Biên”*. Việc Viện kiểm sát có văn bản phúc đáp như trên là hoàn toàn vô căn cứ và không thực hiện theo Điều 284 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bởi vì, Viện kiểm sát truy tố nhưng lại chẳng biết bị can mình truy tố đang ở đâu; Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên cho rằng bản án của Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử đối với bị cáo B và C có hiệu lực sau khi chuyển hồ sơ qua Tòa án nên thuộc trách nhiệm của Tòa án là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi lẽ, khi truy tố thì phải biết người bị truy tố có nhân thân, lý lịch như thế nào, có tiền án, tiền sự không, có đang phải chấp hành án của bản án nào không để thể hiện trong bản Cáo trạng truy tố cũng như đủ cơ sở để xem xét tổng hợp hình phạt theo quy định. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên đã không thực hiện đúng quy định do Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa đã làm rõ:

Để có tiền tiêu xài và tài sản để sử dụng bất hợp pháp, Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C đã cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 06 tháng 11 năm 2019 đến ngày 21 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện An Biên, giá trị tài sản Cớm đoạt ở mỗi lần trộm đều đủ định lượng cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 88.925.000đ (Tám mươi tám triệu

chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), cụ thể: Lấy trộm của anh Võ Nhật T 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 68B1-315.64 trị giá 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); lấy trộm của anh Nguyễn Văn S 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 68B1-235.25 trị giá 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng); lấy trộm của ông Nguyễn Văn L 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 68M1-137.86 trị giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng); lấy trộm của chị Dương Thanh K 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 68B1-338.28, trị giá 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); lấy trộm của ông Nguyễn Văn T 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 68B1-108.61, trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và lấy trộm chị Lê Thị N 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu trắng, biển số 68B1-186.12, trị giá 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo đã cùng thực hiện 06 vụ trộm với lỗi cố ý trực tiếp nên được xác định là đồng phạm. Tuy nhiên, các bị cáo là vợ chồng cùng thống nhất đi trộm tài sản, mục đích bán lấy tiền trả nợ và C sài, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, chỉ đơn thuần cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ là đồng phạm giảm đơn nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được là 88.925.000đ (Tám mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nên đã phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của người bị hại lén lút lấy trộm tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lười lao động chân chính, muốn có tiền nhanh chóng để trả nợ và C xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp mọi hậu quả pháp lý. Hành vi của các bị cáo không những đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến sở hữu tài sản của chủ sở hữu hợp pháp mà còn làm mất an ninh trật tự xã hội và gây hoang mang tư tưởng của người dân địa phương nên cần xử các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do các bị cáo đã gây ra để các bị cáo có đủ thời gian cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho những người khác có ý định tương tự như các bị cáo. Trong vụ án này, hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, bị cáo B là người chủ động rủ bị cáo C, là người điều khiển xe chở bị cáo C đi tìm tài sản, cũng là người trực tiếp lấy trộm

tài sản và có nhân thân xấu nên bị cáo B chịu trách nhiệm nặng hơn so với bị cáo C.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 06 vụ trộm, giá trị tài sản Cớm đoạt ở mỗi lần trộm đều đủ định lượng cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự thú, những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo C đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại được một phần, bị cáo thuộc hộ cận nghèo và đang nuôi 03 con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo C có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo C ở khung hình phạt nhẹ hơn khung bị truy tố là phù hợp. Đối với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo C gây ra. Tuy nhiên, bị cáo và bị cáo B là vợ chồng, có 03 đứa con nhỏ, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, bị cáo C thực hiện hành vi theo sự rủ rê của bị cáo B. Nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đồng thời để bị cáo sớm trở về để chăm sóc, nuôi dạy các con để các con có thể phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử thống nhất xử bị cáo C với mức hình phạt thấp hơn mức do đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Ngày 28/9/2020 các bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn B bị xử phạt 09 (Chín) tháng tù, đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 – Cục C10 – Bộ Công an từ ngày 25/5/2020 cho đến nay và bị cáo Huỳnh Kim C bị xử phạt 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, chấp hành án từ ngày 08/12/2020 cho đến nay theo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST. Nên áp dụng khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường, các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cụ thể như sau:

Bồi thường cho Nguyễn Văn T 8.000.000đ (Tám triệu đồng); Dương Thanh K 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng); Nguyễn Văn S 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Lê Thị N 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng); Nguyễn Văn L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và Huỳnh Văn T 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Bị cáo Huỳnh Kim C đã tự nguyện nộp bồi thường được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 08174 ngày 24/11/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Số tiền lại buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 58.325.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Người bị hại Võ Nhật T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) biển kiểm soát 68B1-235.25 do bị hại không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần như đã nhận định trên.

[8] Xét ý kiến bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim C: Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận như đã nhận định.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét bị cáo Huỳnh Kim C thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo Huỳnh Kim C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B và Huỳnh Kim C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 25/5/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Kim C 09 (Chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (03 ngày cải tạo không giam giữ tính bằng 01 ngày tù) nên hình phạt phải chấp hành là 04 (Bốn) tháng tù giam, bị cáo chấp hành án từ ngày 08/12/2020 đến ngày tuyên án 04/02/2021 là 59 (Năm mươi chín) ngày cải tạo không giam giữ tương đương bằng 20 (Hai mươi) ngày tù, hình phạt còn lại là 03 (Ba) tháng 10 (Mười) ngày tù và hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành 12 (Mười hai) tháng 10 (Mười) ngày tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường, các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng cộng 78.325.000đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cụ thể như sau:

Bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn T 8.000.000đ (Tám triệu đồng); Dương Thanh Kiều 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng); Nguyễn Văn S 13.325.000đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Lê Thị N 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng); Nguyễn Văn L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Bị cáo Huỳnh Kim C đã tự nguyện nộp bồi thường được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 08174 ngày 24/11/2020 của C cục thi hành án

dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Số tiền lại buộc các bị cáo Huỳnh Kim C và Nguyễn Văn B cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường là 58.325.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Người bị hại Võ Nhật T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) biên kiểm soát 68B1-235.25. Theo quyết định chuyển giao vật chứng số 14/QĐ-VKSHAB ngày 23/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo Huỳnh Kim C.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự;
- NTG; CA huyện An Biên;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (Dương).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chọn